

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 7 năm 2025.

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU ngày 27/06/2025 của Đảng ủy trường Cao đẳng KT-CN Vĩnh Phúc về triển khai Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 85-CTTr/TU ngày 25/02/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 19/01/2025 của Chính phủ, Chương trình hành động số 85-CTTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định 322/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU ngày 27/06/2025 của Đảng ủy trường Cao đẳng KT-CN Vĩnh Phúc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc ban hành Kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên về vị trí, vai trò quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 03/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động 85-CTTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định 322/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Chương trình hành động 01-CTr/ĐU của Đảng



ủy trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, có tính khả thi, phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động được nguồn lực và sự tham gia của toàn bộ cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên trong nhà trường.

Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp nhằm thực hiện các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên môi trường số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học, kiểm tra, đánh giá, đổi mới phương pháp dạy học, tăng hiệu quả công tác quản lý, hiệu quả đào tạo, hướng tới tiếp cận giáo dục nghề nghiệp đột phá về chất lượng, hiệu quả đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của tỉnh trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

2. Yêu cầu

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng; phát huy vai trò của cán bộ, Đảng viên; các nội dung được cụ thể hóa Nghị quyết với tinh thần khẩn trương, quyết liệt, nghiêm túc, sâu rộng trong cấp ủy, các đơn vị để cán bộ, Đảng viên, giáo viên, nhân viên và HSSV thống nhất nhận thức và nắm vững các quan điểm của Đảng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong kỷ nguyên mới.

Việc cụ thể hóa phải bám sát nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 03-NQ/CP của Chính phủ, Chương trình hành động 85-CTr/TU của BTV Tỉnh ủy, Quyết định 322/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU của Đảng ủy trường, các quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của nhà trường; xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, phân công trách nhiệm đầy đủ cho các phòng, khoa, trung tâm và có lộ trình cụ thể để thực hiện hiệu quả.

Các phòng, khoa, trung tâm xây dựng cụ thể đề án, kế hoạch, chương trình, dự án... thiết thực để triển khai thực hiện các nội dung đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, phù hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao của từng đơn vị.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

1.1 Mục tiêu

- Nâng cao năng lực đội ngũ, đào tạo nhân lực khoa học công nghệ, phát triển năng lực số cho 100% đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN.

- Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học hằng năm; tối thiểu 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, 03 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường; 01 đề tài

nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên.

- Ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ mới về KHCN hằng năm, chú trọng các công nghệ thực hiện chuyển đổi số vào hoạt động quản trị nhà trường, hoạt động đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời chuyển giao cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Hợp tác với trên 05 tổ chức khoa học trong nước, tổ chức KHCN của nước ngoài, các trường đại học trong và ngoài nước trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

1.2 Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện

a) Đào tạo nhân lực khoa học công nghệ:

Tăng cường đào tạo nhân lực khoa học công nghệ, khuyến khích cán bộ, giáo viên, giảng viên thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng nghiên cứu khoa học. Các đề tài được ứng trong hoạt động đào tạo của nhà trường và trong sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp, ưu tiên nghiên cứu các lĩnh vực: Các công trình nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn...; gắn hoạt động KHCN của nhà trường với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp. Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đồng thời khơi dậy tinh thần nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, yêu nghề, tận tâm, tận tình với người học, đưa hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trở thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân.

b) Tăng cường thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị để giảng viên và sinh viên tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

- Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học hằng năm; tối thiểu 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, 03 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường; 01 đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên.

- Ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ mới về KHCN, chú trọng các công nghệ thực hiện chuyển đổi số vào hoạt động quản trị nhà trường để nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời chuyển giao cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.

c) Tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước; hợp tác với các cơ sở nghiên cứu KHCN, cơ sở đào tạo nghề, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh...

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của tỉnh, mở rộng hợp tác với các tổ chức khoa học trong nước, tổ chức KHCN của nước ngoài trong nghiên cứu khoa

học; quan hệ hợp tác, liên kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học, các cơ sở đào tạo nghề, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh nhằm hợp tác nghiên cứu, trao đổi thông tin KHCN, tổ chức các hội thảo, chuyển giao công nghệ, xúc tiến đầu tư và tranh thủ sự hỗ trợ, tài trợ về cơ sở vật chất, kinh phí nghiên cứu khoa học của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế...

d) Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, các hội thảo, hội nghị khoa học

Tham gia cuộc thi tìm kiếm tài năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh, của các bộ, ban, ngành; tham gia cuộc thi sáng tạo, khởi nghiệp dành cho sinh viên, có cơ chế chính sách hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp cho sinh viên.

Tổ chức, tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học để tạo sân chơi cho giảng viên, sinh viên có cơ hội trình bày, trao đổi kết quả nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm từ các chuyên gia trong và ngoài nước.

e) Ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn

Hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp và đi vào chiều sâu về chất lượng, hiệu quả, các công trình nghiên cứu có tính ứng dụng vào thực tiễn trong đào tạo, ứng dụng thực tiễn trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đáp ứng được thời kỳ công nghiệp 4.0.

Khuyến khích các giảng viên, sinh viên chuyển giao các kết quả nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

f) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về hoạt động khoa học và công nghệ

Mở rộng hợp tác quốc tế trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, chủ động ký kết các thỏa thuận hợp tác với các cơ sở giáo dục đào tạo, các doanh nghiệp nước ngoài để trao đổi học thuật, chuyên gia và HSSV. Hàng năm cử giảng viên đi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài, đặc biệt ưu tiên giảng viên giảng dạy các ngành nghề trọng điểm, các chương trình đào tạo chất lượng cao.

Tham gia các chương trình, dự án quốc tế, tạo điều kiện cho giảng viên, sinh viên tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, trao đổi kinh nghiệm, tiếp cận các công nghệ tiên tiến.

Mời các chuyên gia, giảng viên quốc tế đến giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ cho giảng viên và sinh viên.

Chủ động tham gia các hội thảo, hội nghị quốc tế về khoa học và công nghệ, tạo cơ hội cho giảng viên, sinh viên giao lưu, học hỏi kinh nghiệm với các chuyên gia, nhà khoa học quốc tế.

2. Đổi mới, sáng tạo nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực

2.1 Mục tiêu

- Phần đầu đến năm 2030 quy mô đào tạo đạt 22.000 HSSV, trong đó có ít nhất 30% học sinh, sinh viên được đào tạo các chương trình đào tạo chất lượng cao
- Phát triển chương trình, giáo trình đào tạo đảm bảo các điều kiện thực hiện 42 mã ngành đào tạo trong đó có 11 chương trình đào tạo chất lượng cao
- Có tối thiểu 03 Chương trình đào tạo chất lượng cao tương đương với chuẩn quốc tế, khu vực ASEAN.
- Hằng năm, có trên 80% người học được các doanh nghiệp đánh giá năng lực đáp ứng được yêu cầu công việc.

2.2 Nhiệm vụ và giải pháp

a) Cơ cấu lại ngành nghề đào tạo; phát triển chương trình, giáo trình đào tạo

- Cơ cấu lại ngành nghề đào tạo:

Thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả của các ngành, nghề hiện có, từ đó loại bỏ hoặc điều chỉnh những ngành, nghề không còn phù hợp. Đồng thời, nghiên cứu nhu cầu doanh nghiệp, xu hướng phát triển công nghệ và kinh tế địa phương để mở mới một số ngành, nghề sát với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực đang có nhu cầu nhân lực chất lượng cao như công nghệ AI, Công nghiệp bán dẫn...

- Phát triển chương trình, giáo trình đào tạo

Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo theo hướng mở, hiện đại, linh hoạt phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động, đảm bảo cập nhật tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Rà soát và điều chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo theo hướng tích hợp kiến thức khoa học và công nghệ mới nhất, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

b) Đổi mới phương pháp giảng dạy:

Tăng cường sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, tích cực, lấy người học làm trung tâm, chú trọng phát triển năng lực tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi. Chủ động ứng dụng công nghệ AI, tự động hóa, công nghệ thông tin trong giảng dạy.

c) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị:

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa phòng học, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảng dạy và thực hành các môn học liên quan đến khoa học và công nghệ; mua sắm bổ sung trang thiết bị đào tạo thay

thể cho các thiết bị cũ, lạc hậu về công nghệ, mua sắm mới trang thiết bị đảm bảo đủ số lượng các phòng học thực hành còn thiếu cho từng ngành, nghề đào tạo; đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống hỗ trợ đào tạo trực tuyến.

d) Nâng cao năng lực đội ngũ

- Đào tạo, bồi dưỡng, tuyển bổ sung đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu nghề đào tạo, đạt chuẩn về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề nghiệp. Chú trọng các ngành, nghề trọng điểm đáp ứng chuẩn khu vực ASEAN và thế giới.

- Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý, quản trị, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số và trình độ ngoại ngữ đáp ứng hội nhập quốc tế, cử giáo viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về lĩnh vực bán dẫn, công nghệ AI.

e) Gắn kết với doanh nghiệp và thị trường lao động

Tăng cường phối hợp với doanh nghiệp trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Mỗi năm có ít nhất 01 đề tài NCKH được triển khai, ứng dụng tại doanh nghiệp.

Hàng năm, phối hợp với doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngành nghề đang đào tạo, các cơ sở giáo dục đào tạo có uy tín để cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo sát với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Mỗi chương trình đào tạo có tối thiểu 2 cán bộ quản lý doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng và thẩm định.

Mời doanh nghiệp tham gia vào quá trình kiểm định chất lượng đào tạo, đánh giá kỹ năng nghề và xây dựng chuẩn đầu ra để đảm bảo tính khách quan, minh bạch.

Tăng số lượng các doanh nghiệp tham gia ký kết hợp đồng phối hợp đào tạo với nhà trường. Tăng thời lượng sinh viên được thực tập tại doanh nghiệp từ 20% thời lượng đào tạo trở lên (đối với chương trình đào tạo chất lượng cao tối thiểu là 30%).

Ký kết các hợp đồng đặt hàng đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, hợp đồng hợp tác tuyển dụng lao động sau đào tạo đối với các ngành, nghề phù hợp.

Tổ chức các buổi tham quan, thực tập tại doanh nghiệp, các khu công nghệ cao, các cơ sở nghiên cứu, giúp học sinh, sinh viên tiếp xúc thực tế với môi trường làm việc và các công nghệ tiên tiến.

3. Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp

3.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

a) Phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN.

- Phấn đấu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được đào tạo bổ sung nâng cao năng lực số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số.

- Phần đầu 100% nhà giáo của nhà trường được đào tạo phát triển học liệu số.
- b) Đổi mới và phát triển chương trình đào tạo
 - Phần đầu 100% chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các trình độ được tích hợp năng lực số, có nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số.
 - Phần đầu 100% chương trình đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin, công nghệ số được cập nhật phù hợp với ứng dụng khoa học công nghệ mới.
- c) Hạ tầng, nền tảng và học liệu số

Phần đầu 100% các trình độ cao đào tạo có hạ tầng số, nền tảng số để kết nối, khai thác với nền tảng số giáo dục nghề nghiệp quốc gia.
- d) Quản lý số và quản trị số
 - Phần đầu 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công tỉnh và tích hợp vào Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Phần đầu 100% các trình độ đào tạo đến năm 2030 số hóa quá trình học tập, kết quả học tập, văn bằng giáo dục nghề nghiệp của người học và kết nối, tích hợp dữ liệu lên môi trường số.
 - Có trên 70% hoạt động kiểm tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý liên kết bản đồ số mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các hệ thống chứng thực và tra cứu thông tin giáo dục nghề nghiệp vào năm 2030.
 - Phần đầu 100% báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện trên môi trường số và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
 - Phần đầu Trường Cao đẳng KT-CN Vĩnh Phúc là trường học số.

3.2 Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số

a) Nội dung chuyển đổi số

Xuất phát từ yêu cầu đào tạo nguồn lao động có kỹ năng nghề, nguồn lao động chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, không chỉ cung cấp cho thị trường lao động trong tỉnh mà còn đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước, một trong những giải pháp quan trọng được nhà trường chú trọng thực hiện là đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và đổi mới chương trình đào tạo, phương thức đào tạo, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, chuyển giao công nghệ hiện đại, giải quyết việc làm sau đào tạo.

Để thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc xây dựng nội dung chuyển đổi số và lộ trình thực hiện như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Tổng đến Năm 2030	Ghi chú
1	Phát triển chương trình, nội dung đào tạo giáo dục nghề nghiệp (số hóa)	Chương trình	13	17	10	02	42	
-	Khoa CNTT		02	03	02	01	7	
-	Khoa Điện tử		01	03	02	01	7	
-	Khoa cơ khí		01	03	02		6	
-	Khoa Kinh tế - Dịch vụ du lịch		01	04	02		7	
-	Khoa Công nghệ ô tô		01	01	01		3	
-	Khoa Điện		01	05	01		7	
-	Khoa Nông nghiệp - Xây dựng		01	01	01		3	
-	Khoa Công nghệ thời trang		01				1	
-	Khoa Các môn chung			01			1	
2	Đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị, hệ thống an toàn thông tin phục vụ quản lý, điều hành của cơ sở giáo dục nghề nghiệp							
-	Xây dựng Thư viện điện tử	TV	01					
-	Đầu tư hệ thống an toàn thông tin phục vụ quản lý		01					
-	Đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị	Mã ngành	09	21	11	2	42	
3	Đầu tư, phát triển các học liệu số theo hướng ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường và thực tế hỗn hợp	Mã ngành	02	04	04	01	11	
4	Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số, phương pháp đào tạo mới cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	Người	250	150	100	100	600	
5	Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên về phát triển các ứng dụng số, học liệu số tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Người	10	10	15		35	
6	Chuyển đổi số các chuyên ngành đào tạo	Mã ngành	09	21	11	2	42	

b) Nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số

- Phát triển chương trình, nội dung đào tạo các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp của trường phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong nền kinh tế và hội

nhập quốc tế:

- + Xác định kiến thức và kỹ năng số cơ bản và nâng cao đối với người lao động trên môi trường số; lồng ghép vào chương trình đào tạo, các môn học liên quan tới kỹ năng số, công nghệ thông tin nhằm cung cấp các kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho người học.

- + Xây dựng các bộ công cụ thích hợp để phân tích dữ liệu lớn. Dự báo các năng lực và kỹ năng số cần có của ngành, nghề, đặc biệt là các ngành nghề phục vụ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa và xây dựng mới chuẩn kiến thức, năng lực thực hiện cho các ngành nghề đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số.

- + Phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, các ngành nghề chuyên về công nghệ thông tin, công nghệ số phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Phát triển hạ tầng, nền tảng, thiết bị và học liệu số:

- + Hạ tầng số:

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dữ liệu quốc gia về việc làm, an sinh xã hội, giáo dục đào tạo...

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị, hệ thống an toàn thông tin phục vụ quản lý, điều hành hoạt động giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.

- Ưu tiên hình thức thuê, hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, thiết bị thực tập số, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, phòng học thông minh, các thiết bị phát triển học liệu số... phục vụ cho quá trình chuyển đổi số giáo dục nghề nghiệp.

- + Hạ tầng dữ liệu:

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý giáo dục nghề nghiệp của nhà trường có khả năng đồng bộ với hệ thống thông tin thị trường lao động và cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp. Triển khai nền tảng tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin trong và ngoài lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng nền tảng hạ tầng cơ sở dữ liệu phục vụ báo cáo tổng hợp và phân tích nhu cầu giáo dục nghề nghiệp, phân tích chất lượng dạy và học, hỗ trợ công tác tuyển sinh và các nghiệp vụ khác.

- + Nền tảng số và học liệu số:

- Ưu tiên hình thức thuê, hợp tác công tư, thuê, đầu tư xây dựng, chuyển giao nền tảng số dạy và học trong giáo dục nghề nghiệp của trường.

- Đầu tư xây dựng nền tảng học liệu số cho các ngành học của trường trên nguyên tắc kết hợp học liệu mở với thị trường trao đổi học liệu. Ưu tiên đầu tư, phát triển các học liệu số theo hướng ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường và thực tế hỗn hợp.

- Phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề

ng nghiệp và đổi mới phương pháp dạy và học:

- + Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp.

- + Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng các phương pháp dạy và học mới cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, người dạy trong các đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ.

- + Áp dụng hình thức học tập thích nghi, phối kết hợp hài hòa việc dạy và học trực tiếp tại trường với việc dùng các công nghệ, học liệu số, thiết bị thật, thiết bị ảo, phòng học ảo. Cá nhân hóa việc học tập.

- + Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên về phát triển các ứng dụng số, học liệu số, đáp ứng yêu cầu cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.

- Chuyển đổi số hoạt động quản trị nhà trường:

- + Phát triển, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đồng bộ, thống nhất, đảm bảo kết nối, khai thác phục vụ xử lý thông tin theo yêu cầu quản lý, quản trị.

- + Số hóa hoạt động của nhà trường, trong đó chú trọng đến quản lý tuyển sinh, đào tạo, đảm bảo chất lượng, phát triển chương trình, quản lý nhà giáo, quản lý học sinh, sinh viên, kết nối doanh nghiệp.

- + Đẩy mạnh việc đảm bảo chất lượng đối với việc dạy học trực tuyến.

- + Triển khai việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đánh giá kỹ năng nghề trên môi trường số.

- Huy động nguồn lực cho quá trình chuyển đổi số giáo dục nghề nghiệp

- + Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước.

- + Huy động nguồn lực đầu tư từ các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- + Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và hợp tác quốc tế

- + Nâng cao nhận thức của lãnh đạo, cán bộ quản lý, nhà giáo và HSSV về vai trò quan trọng và sự cần thiết sớm triển khai chuyển đổi số trong nhà trường nhằm xây dựng, hình thành hệ sinh thái số giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu của người học và mọi người dân trong nền kinh tế số, xã hội số.

- + Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số trong nhà trường, chú trọng biểu dương, tôn vinh những tập thể, cá nhân có kết quả tích cực, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý, dạy và học từ chuyển đổi số để lan tỏa, nhân rộng.

- + Tăng cường trao đổi, học tập chia sẻ kinh nghiệm về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp với các đơn vị trong và ngoài nhà trường.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- + Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng; quản lý và giám sát an toàn thông tin; bảo mật dữ liệu, bảo đảm cơ chế sao lưu, phục hồi máy chủ, máy trạm, các thiết bị đầu cuối liên quan.

+ Xây dựng hạ tầng, nền tảng số, dữ liệu số bảo đảm thông tin tin cậy, an toàn, lành mạnh; phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc.

+ Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn, an ninh, các lỗ hổng bảo mật của hệ thống phần mềm và dữ liệu, kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện theo kế hoạch.
- Tham mưu cho nhà trường ban hành các văn bản về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của nhà trường.

- Chủ trì tổ chức Hội thảo khoa học về Nghị quyết 57-NQ/TW: Định hướng đột phá trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Trọng tâm tập trung vào các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, chuỗi khối (Blockchain), công nghiệp bán dẫn...

- Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các khoa chuyên môn, các bộ phận liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Hiệu trưởng; tổ chức sơ kết, tổng kết; đề xuất, kiến nghị với nhà trường trong trường hợp cần thiết.

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hàng năm và theo giai đoạn, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trình Hiệu trưởng, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền.

- Xây dựng kế hoạch và tham mưu cho nhà trường tham gia các chương trình, dự án quốc tế về phát triển khoa học công nghệ.

- Chủ trì xây dựng công tác tuyên truyền hoạt động đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của nhà trường.

2. Phòng Hành chính – Tổ chức

- Chủ trì xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên, cán bộ quản lý, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Xây dựng kế hoạch và phát động phong trào thi đua trong toàn trường thực hiện đột phá trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp của nhà trường, nâng cao năng lực số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số.

- Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về phát triển các ứng dụng số, học

liệu số của nhà trường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức thực hiện công tác tổ chức, hành chính trên môi trường số

- Kịp thời báo cáo và kiến nghị nhà trường các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch này; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc để thực hiện báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

3. Phòng Đào tạo

- Chủ trì xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng cập nhật kiến thức khoa học và công nghệ mới nhất, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Chủ trì, phối hợp với các khoa chuyên môn phát triển chương trình, nội dung đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp của trường phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số.

- Tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong quản lý đào tạo, đổi mới phương thức đào tạo để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

- Thực hiện số hóa quá trình học tập, kết quả học tập, văn bằng giáo dục nghề nghiệp của người học và kết nối, tích hợp dữ liệu lên môi trường số.

4. Phòng Kế hoạch – Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối tài chính của nhà trường trong từng giai đoạn.

- Xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện hoạt động thu - chi, quản lý tài sản trên môi trường số

5. Phòng Quản trị - Đời sống

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan về đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị, hệ thống an toàn thông tin phục vụ quản lý, điều hành hoạt động giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đầu tư/thuê/chuyển giao thiết bị số, hạ tầng công nghệ thông tin, các thiết bị thực hành, thực tập, phòng thí nghiệm, phòng thực hành ảo, phòng thực hành ảo tăng cường và các thiết bị phát triển học liệu số.

- Thực hiện hoạt động quản lý cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, y tế học đường trên môi trường số.

6. Phòng Thanh tra, Khảo thí, Kiểm định chất lượng

- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan triển khai thực hiện kế hoạch chương trình kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch, tổng hợp kết quả báo cáo Hiệu trưởng.

- Thực hiện số hóa hoạt động khảo thí, đảm bảo chất lượng, lấy ý kiến phản hồi của người học, cán bộ, giáo viên, nhân viên và kết nối, tích hợp dữ liệu lên môi trường số.

7. Phòng Công tác học sinh sinh viên

- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan tổ chức cho học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện số hóa quá trình rèn luyện, công tác quản lý hồ sơ HSSV, các chế độ chính sách cho người học trên môi trường số.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của học sinh sinh viên về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

8. Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ với doanh nghiệp

- Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ theo đặt hàng của doanh nghiệp

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện số hóa công tác tuyển sinh, kết nối, tích hợp dữ liệu lên môi trường số.

- Xây dựng hệ thống thông tin tuyển sinh, khảo sát HSSV, khảo sát ý kiến doanh nghiệp trên môi trường số

9. Khoa Công nghệ thông tin

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch về khoa học, công nghệ, chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp cho các ngành đào tạo, các môn học thuộc khoa quản lý.

- Tổ chức nghiên cứu, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, hạ tầng Internet dùng chung thống nhất trong toàn trường; đảm bảo kết nối Internet tới tất cả các đơn vị, với người học, đội ngũ nhà giáo.

- Tham mưu cho nhà trường ban hành các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, các cơ sở dữ liệu có liên quan với cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

- Phối hợp với phòng TCHC trong việc mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, HSSV nhà trường liên quan đến cập nhật kiến, ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số trong nhà trường.

10. Các phòng, trung tâm, khoa chuyên môn

- Các phòng, khoa, trung tâm theo chức năng nhiệm vụ xây dựng cụ thể kế hoạch của đơn vị mình để tổ chức triển khai thực hiện;

- Các khoa chuyên môn xây dựng cụ thể chương trình, kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp cho các chuyên ngành

đào tạo, các môn học thuộc khoa quản lý. Phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, giảng viên, HSSV thuộc đơn vị mình quản lý. Thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp sư phạm phù hợp, đào tạo trực tuyến để triển khai đào tạo trên môi trường số.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU ngày 27/06/2025 của Đảng ủy nhà trường về triển khai Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 85-CTTr/TU ngày 25/02/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Yêu cầu Trường các phòng, khoa, trung tâm; các tổ chức đoàn thể của nhà trường căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ xây dựng cụ thể kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, thực chất và hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, phải kịp thời báo cáo Lãnh đạo nhà trường phụ trách để chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Phú Thọ (b/c);
- Hiệu trưởng, các PHT;
- Các phòng, khoa, trung tâm (t/h);
- Các đoàn thể nhà trường;
- Công thông tin nhà trường;
- Lưu: VT, QLKH&HTQT.



Phùng Mạnh Thắng